

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/3/2022

Thống kê thị trường		HOSE	HNX
Index		1,452.74	443.52
% Thay đổi		↑ 0.45%	↑ 1.59%
KLGD (CP)		675,628,067	101,099,158
GTGD (tỷ đồng)		21,800.24	2,940.46
Tổng cung (CP)		1,454,982,300	138,325,700
Tổng cầu (CP)		1,496,433,600	135,281,500

Giao dịch NĐTNN		HOSE	HNX
KL bán (CP)		52,544,730	1,594,105
KL mua (CP)		41,530,000	1,163,000
GT mua (tỷ đồng)		1,864.45	53.51
GT bán (tỷ đồng)		2,294.01	56.81
GT ròng (tỷ đồng)		(429.55)	(3.31)

Tương quan cung cầu		HOSE
---------------------	--	------

Giá trị Giao dịch NĐTNN		HOSE
-------------------------	--	------

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.49%	20.7	3.5	2.0%
Công nghiệp	↑ 1.75%	23.0	3.2	18.0%
Dầu khí	↑ 0.58%	19.0	2.1	5.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.39%	-	11.8	3.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.07%	16.3	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.00%	18.5	3.5	8.0%
Ngân hàng	↓ -0.16%	12.1	2.3	12.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.47%	10.3	2.4	22.2%
Tài chính	↑ 0.57%	20.4	3.1	25.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.63%	17.8	2.7	2.3%
VN - Index	↑ 0.45%	16.7	3.1	
HNX - Index	↑ 1.59%	21.1	3.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chứng khoán Mỹ điều chỉnh trong phiên đêm qua (chỉ có chỉ số Dow Jones là tăng rất nhẹ), chứng khoán châu Âu hiện đang giao dịch nhưng đều giảm trên 1%, tệ nhất là chứng khoán Trung Quốc đều giảm trên 4% ở tất cả các chỉ số chính. Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục thể hiện được sức mạnh tương đối so với các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới khi hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay. Cụ thể, VN-Index tăng 6,49 điểm (+0,45%) lên 1.452,74 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 272 mã tăng (12 mã tăng trần), 52 mã tham chiếu, 166 mã giảm (8 mã giảm sàn). Nhóm ngân hàng đã quay trở lại để tiếp thêm "sinh khí" cho thị trường với nhiều mã tăng như STB (+0,6%), VPB (+2,5%), TPB (+1,8%), TCB (+0,2%), CTG (+0,2%), ACB (+0,3%), LPB (+0,9%)... Trong bối cảnh giá dầu thế giới liên tục giảm thì nhóm dầu khí đã gây bất ngờ trong phiên hôm nay khi tăng khá tốt sau khi đã giảm tương đối trong phiên sáng với GAS (+1,9%), PVS (+1,1%), PVD (+1%), PVC (+9,7%), PLX (+0,2%), PVO (+14,5%), PVB (+1,8%)... Nhóm thép cũng có dấu hiệu phục hồi với sắc xanh trên HPG (+0,8%), TLH (+1%), VGS (+2,3%)... Tích cực nhất trong phiên hôm nay có lẽ là nhóm xây dựng và vật liệu với hàng loạt mã tăng mạnh như HBC (+6,4%), HUT (+9,7%), VCG (+3%), C4G (+8,4%), CTD (+1,5%), PTC (+1,9%)..., thậm chí tăng trần như LCG (+6,8%), FCN (+6,9%), CTI (+6,9%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay để thoát khỏi vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) nhưng với thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này cho thấy là tuy tâm lý nhà đầu tư đã ổn định trở lại nhưng vẫn có sự thận trọng nhất định trong bối cảnh mà chứng khoán Mỹ, châu Âu, Trung Quốc tiếp tục đà giảm do lo ngại về lạm phát tăng mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm đã trụ vững được trong hai phiên liên tiếp và thúc đẩy được lực cầu từ đây. Kháng cự gần nhất của thị trường được xác định quanh ngưỡng 1.470 điểm. Nếu như không có những sự kiện tiêu cực xảy ra trong tối và đêm nay thì hoàn toàn có thể thế kỳ vọng vào một phiên hồi phục nữa trong ngày giao dịch tiếp theo 16/3 để thu hẹp dần khoảng cách với kháng cự 1.470 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm hai phiên gần đây có thể tiếp tục quan sát thị trường và gia tăng tỷ trọng nếu thị trường có nhịp chỉnh mạnh về hỗ trợ dài hạn quanh 1.410 điểm (MA200).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

15/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số chạm mức thấp nhất trong phiên sáng tại 1.437,27 điểm và mức cao nhất trong phiên chiều tại 1.453,07 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,49 điểm (+0,45%) lên 1.452,74 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN tăng 5.000 đồng, VPB tăng 900 đồng, GAS tăng 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 3.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng khá tốt sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 443,6 điểm. Có thời điểm về cuối phiên sáng, chỉ số giảm nhẹ xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 435,48 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,95 điểm (+1,59%) lên 443,52 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT tăng 3.900 đồng, THD tăng 1.200 đồng, SCG tăng 7.000 đồng. Ở chiều ngược lại, TVC giảm 900 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 429,55 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 115,8 tỷ đồng tương ứng với 2,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 94,9 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 123,5 tỷ đồng tương ứng với 3,8 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,26 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 431 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 24,2 tỷ đồng tương ứng với 717 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PLC với 5,5 tỷ đồng tương ứng với 119 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 17 tỷ đồng tương ứng với 247,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên không thực sự mạnh, nhà đầu tư vẫn đang có sự thận trọng nhất định.

Phân tích kỹ thuật theo lý thuyết sóng Elliott thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay (+0,45%) thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi. Vùng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) sẽ tiếp tục là hỗ trợ trong phiên tiếp theo và ngưỡng 1.470 điểm sẽ là kháng cự gần nhất.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 16/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự 1.470 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ lùi về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Nhập khẩu hơn 1 tỷ USD xăng dầu trong 2 tháng đầu năm

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê, cán cân thương mại 2 tháng đầu năm 2022 nhập siêu 581 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 2,31 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 2,89 tỷ USD.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 66,6 - 68 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 500.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 15/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.186 VND/USD, tăng 8 đồng so với hôm qua.

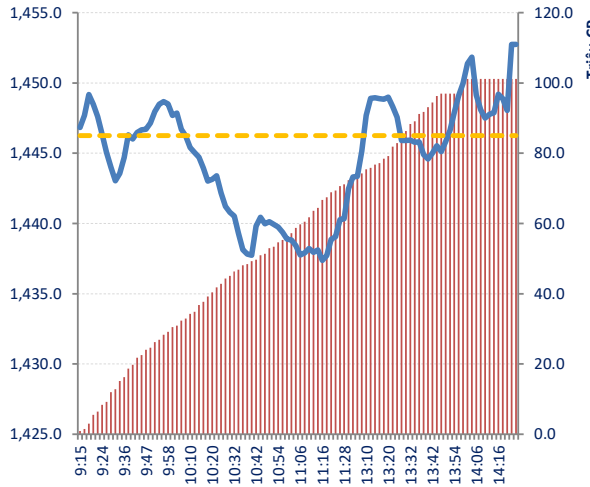
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 27,45 USD/ounce tương ứng với 1,4% xuống 1.933,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,254 điểm tương ứng 0,25% xuống 98,778 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0996 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3021 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 117,94 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 5,48 USD/thùng tương ứng với 5,32% xuống 97,49 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/3, Dow Jones tăng 1,05 điểm lên 32.945,24 điểm. Nasdaq giảm 262,59 điểm tương đương 2,04% xuống 12.581,22 điểm. Nasdaq Composite giảm 31,2 điểm tương đương 0,74% xuống 4.173,11 điểm.

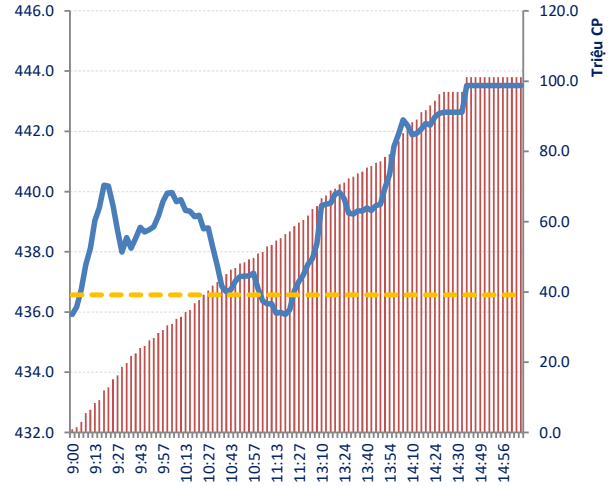


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

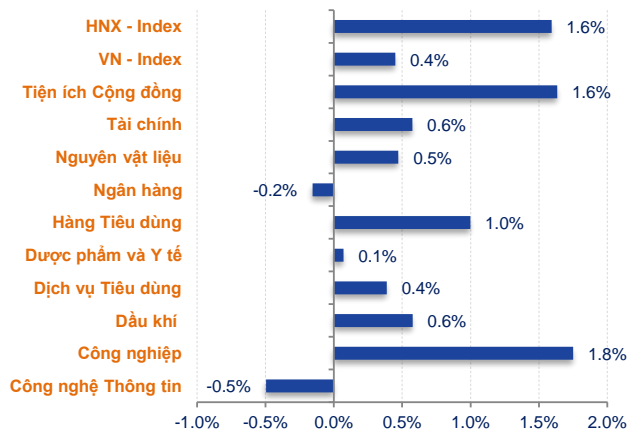
KLGD và VN-Index trong phiên



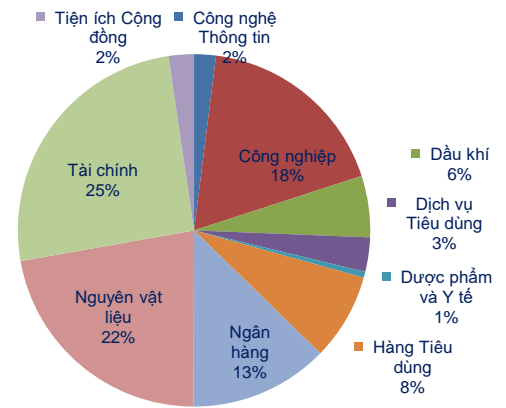
KLGD và HNX-Index trong phiên



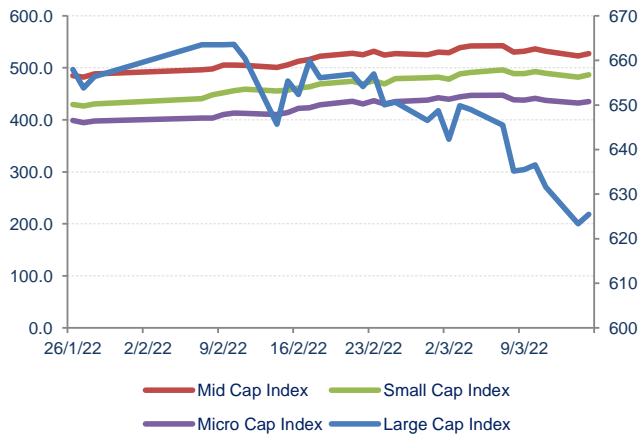
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



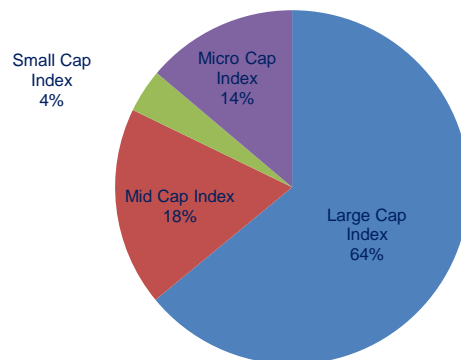
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,762,900	HPG	2,517,900
2	VPB	1,848,500	SSI	1,702,200
3	DCM	855,300	DXG	1,603,500
4	DPM	804,500	FUEVFVND	1,451,300
5	SHB	702,300	VHM	1,232,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HUT	319,700	PVS	717,105
2	CEO	247,300	SCI	175,300
3	SHS	196,876	PVG	143,200
4	TA9	59,800	PLC	119,100
5	NTP	6,800	IDC	29,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	45.80	46.15	↑ 0.76%	20,864,200
FLC	12.20	12.55	↑ 2.87%	18,356,900
STB	32.50	32.70	↑ 0.62%	18,071,800
NKG	46.70	46.50	↓ -0.43%	15,948,800
HAG	11.70	11.75	↑ 0.43%	14,960,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	34.80	35.20	↑ 1.15%	16,409,591
HUT	40.30	44.20	↑ 9.68%	6,659,284
PVC	26.70	29.30	↑ 9.74%	5,964,005
CEO	67.10	69.00	↑ 2.83%	3,989,480
SHS	40.20	40.40	↑ 0.50%	3,233,210

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HUB	33.70	36.05	2.35	↑ 6.97%
NVT	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%
FCN	24.55	26.25	1.70	↑ 6.92%
CTI	23.20	24.80	1.60	↑ 6.90%
EMC	21.15	22.60	1.45	↑ 6.86%

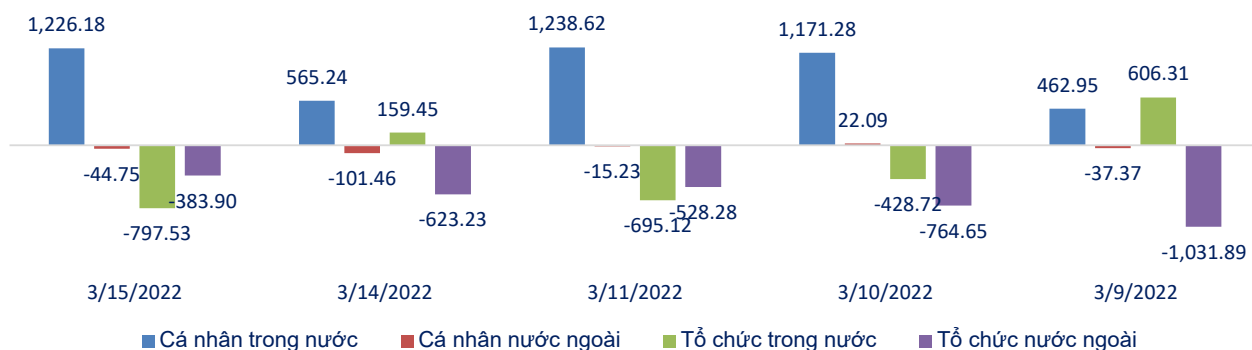
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDB	26.00	28.60	2.60	↑ 10.00%
SDN	45.20	49.70	4.50	↑ 9.96%
VE8	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
PVC	26.70	29.30	2.60	↑ 9.74%
HUT	40.30	44.20	3.90	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFG	20.75	19.30	-1.45	↓ -6.99%
TTE	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%
AAM	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%
PMG	19.60	18.25	-1.35	↓ -6.89%
VAF	19.00	17.70	-1.30	↓ -6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CX8	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
INC	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
PMP	33.10	29.80	-3.30	↓ -9.97%
CLM	33.50	30.20	-3.30	↓ -9.85%
PBP	34.70	31.30	-3.40	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	388.58	5.6%	785	46.6	2.5
HPG	148.26	46.0%	7,708	5.9	2.3
VIC	111.59	-1.9%	(717)	-	1.9
KBC	100.66	5.8%	1,587	32.0	1.9
VCB	100.57	21.3%	4,629	18.2	3.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-132.61	10.8%	1,855	17.5	1.8
DPM	-59.93	32.9%	7,964	7.8	2.3
VJC	-59.10	7.5%	2,242	64.7	4.6
DGC	-43.79	45.9%	13,959	12.9	6.0
DIG	-34.60	15.3%	2,210	40.5	5.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	9.99	0.1%	46	781.3	1.1
HPG	4.41	46.0%	7,708	5.9	2.3
MSN	3.50	25.4%	7,269	18.7	3.8
VCB	0.81	21.3%	4,629	18.2	3.6
HTN	0.71	19.0%	2,793	16.1	2.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-16.62	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-7.17	22.4%	3,046	14.2	3.1
TCH	-6.53	4.7%	982	20.5	1.1
AAA	-6.23	6.0%	943	18.2	1.0
OCB	-3.71	22.5%	2,772	9.2	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	58.84	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSVFL	26.23	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	25.53	45.9%	13,959	12.9	6.0
GMD	22.24	8.9%	2,007	25.9	2.2
FLC	16.51	0.7%	119	102.6	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-388.08	5.6%	785	46.6	2.5
KBC	-80.67	5.8%	1,587	32.0	1.9
APH	-49.02	1.1%	224	110.6	1.0
VPB	-34.56	17.0%	2,662	13.5	1.9
HPG	-32.85	46.0%	7,708	5.9	2.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	123.01	10.8%	1,855	17.5	1.8
VPB	68.16	17.0%	2,662	13.5	1.9
VJC	65.67	7.5%	2,242	64.7	4.6
DPM	49.40	32.9%	7,964	7.8	2.3
DIG	40.45	15.3%	2,210	40.5	5.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-119.81	46.0%	7,708	5.9	2.3
VCB	-95.48	21.3%	4,629	18.2	3.6
VIC	-94.90	-1.9%	(717)	-	1.9
VHM	-89.63	35.3%	9,036	8.2	2.5
NVL	-89.08	8.8%	1,692	45.2	3.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	20,864,200	46.0%	7,708	5.9	2.3
FLC	18,356,900	3250.0%	119	102.6	0.9
STB	18,071,800	10.8%	1,855	17.5	1.8
NKG	15,948,800	50.0%	10,420	4.5	1.8
HAG	14,960,300	2.5%	199	58.9	2.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,409,591	4.7%	1,260	27.6	1.3
HUT	6,659,284	1.9%	240	167.9	3.7
PVC	5,964,005	0.9%	147	182.2	1.7
CEO	3,989,480	2.7%	362	185.4	4.9
SHS	3,233,210	30.1%	5,707	7.0	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HUB	↑ 7.0%	11.1%	2,742	12.3	1.3
NVT	↑ 7.0%	-11.3%	(587)	-	2.7
FCN	↑ 6.9%	3.9%	843	29.1	1.3
CTI	↑ 6.9%	0.2%	53	438.3	1.0
EMC	↑ 6.9%	1.9%	201	105.1	2.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDB	↑ 10.0%	2.1%	319	81.5	1.6
SDN	↑ 10.0%	28.7%	8,581	5.3	1.4
VE8	↑ 9.9%	5.3%	560	16.3	0.8
PVC	↑ 9.7%	0.9%	147	182.2	1.7
HUT	↑ 9.7%	1.9%	240	167.9	3.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,762,900	10.8%	1,855	17.5	1.8
VPB	1,848,500	17.0%	2,662	13.5	1.9
DCM	855,300	27.5%	3,623	11.9	3.0
DPM	804,500	32.9%	7,964	7.8	2.3
SHB	702,300	16.7%	2,261	9.7	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	319,700	1.9%	240	167.9	3.7
CEO	247,300	2.7%	362	185.4	4.9
SHS	196,876	30.1%	5,707	7.0	2.0
TA9	59,800	12.9%	1,579	9.3	1.2
NTP	6,800	17.6%	3,950	15.0	2.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	398,478	21.3%	4,629	18.2	3.6
VHM	324,400	35.3%	9,036	8.2	2.5
VIC	298,631	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	208,917	12.7%	2,090	19.8	2.4
HPG	204,860	46.0%	7,708	5.9	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,045	21.8%	2,805	60.1	9.3
KSF	32,100	9.0%	1,373	77.9	5.4
IDC	19,530	9.6%	1,508	43.2	4.2
VCS	17,280	40.6%	11,096	9.7	3.5
CEO	17,268	2.7%	362	185.4	4.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.58	-2.8%	(310)	-	0.8
DLG	3.10	0.7%	53	135.1	0.9
PTC	3.00	23.3%	3,535	17.9	3.3
NHA	3.00	0.8%	79	793.1	6.3
HAR	2.94	3.3%	361	28.3	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.13	7.0%	343	36.8	2.5
CEO	2.37	2.7%	362	185.4	4.9
ART	2.24	3.0%	350	29.8	0.9
KLF	2.03	0.4%	40	155.9	0.6
APS	2.01	62.2%	9,839	3.0	2.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn